

Số: 1396 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 22 tháng 7 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty cổ phần Trí Việt Tây Ninh tại Văn bản số 2504/CV-TV ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc đề nghị thẩm định, cấp giấy phép môi trường Nhà máy điện mặt trời Trí Việt 1, quy mô 30 MWp, trạm biến áp và tuyến đường dây dẫn 110 kV và Văn bản số 2806/CV-TV ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc giải trình nội dung chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Nhà máy điện mặt trời Trí Việt 1, quy mô 30 MWp, trạm biến áp và tuyến đường dây dẫn 110 kV tại ấp 5, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4143./TTr-STNMT ngày 11 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Trí Việt Tây Ninh tại huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy điện mặt trời Trí Việt 1, quy mô 30 MWp, trạm biến áp và tuyến đường dây dẫn 110 kV tại ấp 5, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Nhà máy điện mặt trời Trí Việt 1, công suất 30 MWp, trạm biến áp và tuyến đường dây dẫn 110 kV.

1.2. Địa điểm thực hiện Cơ sở: tại ấp 5, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh

nghiệp 3901259155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 03 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 14 tháng 10 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8022073885 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, chứng nhận lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2018; Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư Nhà máy điện mặt trời Trí Việt 1 của Công ty cổ phần Trí Việt Tây Ninh.

1.4. Mã số thuế: 3901259155.

1.5. Loại hình cơ sở: sản xuất điện mặt trời.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

1.6.1. Quy mô: Dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.6.2. Tổng diện tích: 60 ha.

1.6.3. Công suất: sản xuất điện mặt trời, công suất 30 MWp, trạm biến áp và đường dây truyền tải điện 110 kV từ Nhà máy đến lưới điện quốc gia dài 8,36 km. Sản lượng điện hàng năm khoảng 43.195 MWh/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Trí Việt Tây Ninh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Trí Việt Tây Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường của Cơ sở đã được cấp phép trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND xã Suối Dây, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký.

Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quyết định số 2335/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy điện mặt trời Trí Việt 1, quy mô 30 MWp, trạm biến áp và tuyến đường dây dẫn 110 kV tại ấp 5, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh của Công ty cổ phần Trí Việt Tây Ninh hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Tân Châu;
- UBND xã Suối Dây;
- Công ty CP Trí Việt Tây Ninh;
- LĐVP, CVK
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN
NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số1596...../GPMT-UBND
ngày 22 tháng 7. năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên khu vực nhà điều hành.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:

01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,2 xả thải ra nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số K = 1,2 tự chảy ra nguồn tiếp nhận là đất bán ngập hồ Dầu Tiếng tại ấp 5, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.3. Vị trí xả nước thải:

Đất bán ngập hồ Dầu Tiếng tại ấp 5, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, tọa độ: X = 1273 695; Y = 578 804 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105° 30', múi chiếu 3⁰).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 05 m³/ngày.đêm.

2.4.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số K = 1,2 tự chảy ra nguồn tiếp nhận.

2.4.2. Chế độ xả thải: xả liên tục (24 giờ).

2.4.3. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,2 cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy
2	BOD ₅	mg/l	36		
3	TSS	mg/l	60		
4	TDS	mg/l	600		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
5	Sunfua	mg/l	1,2		định tại khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP
6	Amoni	mg/l	6		
7	Nitrat	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
10	Phosphat	mg/l	7,2		
11	Coliform	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực nhà điều hành lưu lượng lớn nhất là 3,4 m³/ngày.đêm được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, có 01 bể tự hoại (thể tích 4 m³). Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại theo đường ống uPVC Ø60 mm, dài 3 m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 05m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất: Nhà máy không có nước thải sản xuất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình xử lý, đầu nổi nước thải:

- Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại → hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 05 m³/ngày.đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung có quy trình công nghệ như sau: Nước thải → Hồ thu gom → Ngăn anoxic → Ngăn MBR → Ngăn chứa nước sau xử lý.

Hóa chất sử dụng: không sử dụng hóa chất

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 01 bể tự hoại, thể tích 4 m³, kích thước: 2,2 m x 1,2 m x 1,5 m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.

- 01 hồ thu gom, kích thước D x H: 1,0 m x 1,0 m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.

- 01 ngăn anoxic, kích thước: 1,0 m x 0,8 m x 1,8 m, kết cấu vật liệu thép CT3 d2mm.

- 01 ngăn MBR, kích thước: 1,0 m x 1,5 m x 1,8 m, kết cấu vật liệu thép CT3 d2 mm.

- 01 ngăn chứa nước sau xử lý, kích thước: 1,0 m x 0,7 m x 1,8 m, kết cấu vật liệu thép CT3 d2 mm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố hư hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật, nhằm phát hiện sự cố một cách sớm nhất, để sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất; đào tạo nhân viên, đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó phải báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Ba (03) tháng (kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế 05 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Một (01) mẫu nước thải đầu vào tại hố thu gom.

- Một (01) mẫu nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: *(trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải)*

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh *(giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của hệ thống xử lý nước thải)*

- Loại mẫu: mẫu đơn

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể thu gom và 03 mẫu nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả thải ra đất bán ngập hồ Dầu Tiếng, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm, Công ty phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo quy định.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1396/GPMT-UBND
ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải, bụi:

Nguồn số 01: khí thải từ máy phát điện dự phòng có công suất 5 KVA (đặt tại trạm biến áp), sử dụng nhiên liệu là dầu DO.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải, bụi:

Tại máy phát điện dự phòng lắp đặt đường ống thoát khí thải ra môi trường qua 01 ống thải; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1273 695; Y = 578 788.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30' múi chiều 3⁰)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 38 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải, bụi: xả gián đoạn khi có hoạt động của máy phát điện công suất 5 KVA

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT cột B hệ số K_p = 1,0; K_v = 1,2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	$P \leq 20.000$	Không	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi	mg/Nm ³	240		
3	NO _x	mg/Nm ³	1.020		
4	SO ₂	mg/Nm ³	600		
5	CO	mg/Nm ³	1.200		

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1396/GPMT-UBND
ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng (đặt tại trạm biến áp) công suất 5KVA.
- Nguồn số 02: Máy biến áp chính 110KV.
- Nguồn số 03: Trạm hợp bộ số 01 (Máy biến áp phụ 22kV + Máy chuyển đổi công suất Inverter 600V).
- Nguồn số 04: Trạm hợp bộ số 02 (Máy biến áp phụ 22kV + Máy chuyển đổi công suất Inverter 600V).
- Nguồn số 05: Trạm hợp bộ số 03 (Máy biến áp phụ 22kV + Máy chuyển đổi công suất Inverter 600V).
- Nguồn số 06: Trạm hợp bộ số 04 (Máy biến áp phụ 22kV + Máy chuyển đổi công suất Inverter 600V).
- Nguồn số 07: Trạm hợp bộ số 05 (Máy biến áp phụ 22kV + Máy chuyển đổi công suất Inverter 600V).
- Nguồn số 08: Trạm hợp bộ số 06 (Máy biến áp phụ 22kV + Máy chuyển đổi công suất Inverter 600V).
- Nguồn số 09: Trạm hợp bộ số 07 (Máy biến áp phụ 22kV + Máy chuyển đổi công suất Inverter 600V).
- Nguồn số 10: Trạm hợp bộ số 08 (Máy biến áp phụ 22kV + Máy chuyển đổi công suất Inverter 600V).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01, tọa độ: X = 1273 695; Y = 578 788;
- Nguồn số 02, tọa độ: X = 1273 703; Y = 578 779;
- Nguồn số 03, tọa độ: X = 1273 668; Y = 578 715;
- Nguồn số 04, tọa độ: X = 1273 802; Y = 578 723;
- Nguồn số 05, tọa độ: X = 1273 887; Y = 578 723;
- Nguồn số 06, tọa độ: X = 1274 162; Y = 578 941;
- Nguồn số 07, tọa độ: X = 1274 162; Y = 578 784;
- Nguồn số 08, tọa độ: X = 1274 163; Y = 578 619;
- Nguồn số 09, tọa độ: X = 1274 163; Y = 578 493;

- Nguồn số 10, tọa độ: X = 1274 162; Y = 578 334;
(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiếu 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt đệm cao su tại chân các thiết bị có công suất lớn
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 13.96./GPMT – UBND
ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	5	Rắn	NH
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại ^(KS)	18 02 01	6	Rắn	KS
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	10	Rắn	NH
4	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	20	Rắn	NH
5	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) ^(KS)	08 02 04	3	Rắn	KS
Tổng khối lượng			44		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	Rắn	TT-R	36

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Lượng phát sinh (kg/năm)
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ không nhiễm thành phần nguy hại	18 02 02	Rắn	TT	24
3	Pin mặt trời hư hỏng	19 02 08	Rắn	KS	238,5
Tổng khối lượng					298,5

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên	5,4
Tổng khối lượng		5,4

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì, thùng chứa, can có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 4 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: có tường bao quanh, lợp mái, sàn chống thấm, có gờ chống tràn, được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (cát khô, giẻ lau), xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: bao bì, thùng chứa.

- Diện tích kho: 8,4 m².

- Thiết kế, cấu tạo: có độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt, có nền bê tông xi măng chống thấm, có mái che bằng tôn. Bên trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân chia thành từng ô tương ứng với từng loại chất thải được lưu chứa và được dán nhãn tên chất thải.

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1396/GPMT – UBND
ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên vận hành Nhà máy được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Nhà máy để xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số K = 1,2 tự chảy ra nguồn tiếp nhận là đất bán ngập hồ Dầu Tiếng tại ấp 5, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo chất lượng không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

4. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

5. Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Nhà máy sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Nhà máy theo đúng quy định.

6. Thực hiện các yêu cầu vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện cơ sở đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên./.